

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2019/DS-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;
2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 515/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: số 158, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; Có mặt). Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Số 278C, tổ 15, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2019); Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1960, ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn T là bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2019); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào tháng 4/2012, bà Nguyễn Thị T cùng chồng là Nguyễn Văn T có vay số tiền 796.000.000đồng, lãi suất 4%/tháng, mục đích vay để mua đất và trang trải cuộc sống gia đình, đến ngày 23/7/2013 (Âl) thì bà T, ông T mới làm biên nhận nợ tiền vốn cùng 100.000.000đồng là tiền lãi; ngày 04/12/2013, bà T, ông T trả được 100.000.000đồng tiền lãi; cuối năm 2018, bà T, ông T trả 50.000.000đồng tiền vốn; qua các lần trả thì bà T, ông T trả được bà T, ông T trả được 50.000.000đồng tiền vốn và 317.000.000đồng là tiền lãi. Sau nhiều lần đòi tiền bà T, ông T không trả mà nại ra nhiều lý do để kéo dài thời gian chứ không chịu trả nên khởi kiện yêu cầu bà T, ông T trả tiền còn nợ 746.000.000đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn T không gửi ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng với bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn T. Bà T, ông T có nơi cư trú ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định;

[1.2] Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Kim T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn T trả số tiền vay hiện còn thiếu là 746.000.000đồng, căn cứ khởi kiện là giấy biên nhận ghi ngày 23/7/2013 (Âl). Quá trình giải quyết bà T, ông T không gửi ý kiến cho Tòa án về việc thụ lý vụ án. Xét thấy hợp đồng vay tiền được giao kết giữa bà T, ông T và bà L là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Bà L xác định bà T, ông T đã trả được số tiền 50.000.000đồng tiền vốn còn lại 746.000.000đồng chưa trả. Do bà T, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho bà L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.2] Bà L xác định đã nhận được số tiền lãi từ bà T, ông T là 317.000.000đồng và yêu cầu bà T, ông T phải trả lãi theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ giấy biên nhận ngày 23/7/2013 xác định giao dịch giữa

các đương sự là hợp đồng vay không có thời hạn và có lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và được hướng dẫn tại điểm a khoản 2, Điều 5; điểm a, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn và tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 23/7(Âl)/2013 nhằm ngày 29/8/2013 đến cuối năm 2018 bà T ông T đã trả 50.000.000đồng tiền vốn (không rõ ngày nên lấy ngày cuối cùng của năm) là ngày 31/12/2018 là 1.950 ngày, tiền lãi được tính là: $796.000.000\text{đồng} \times (10\%/năm) \times (10/100/365) \times 1.950 \text{ ngày} = 425.260.000\text{đồng}$.

- Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 21/11/2019 là 324 ngày, tiền lãi được tính là: $746.000.000\text{đồng} \times (10\%/năm) \times (10/100/365) \times 324 \text{ ngày} = 66.220.000\text{đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi là 491.480.000đồng trừ đi tiền lãi nguyên đơn đã nhận là 317.000.000đồng; bị đơn còn phải trả tiền lãi là 174.480.000đồng.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1) Buộc bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vốn vay là 746.000.000đồng (Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng) và số tiền lãi 174.480.000đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi đồng);

2) Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 39.614.400đồng (Bằng chữ: Ba mươi chín triệu sáu trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng); bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền 16.920.000đồng (Bằng chữ: Mười sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013166 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Nguyễn Thanh Hùng